TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1794/2023/DS -ST
Ngày 13 tháng 9 năm 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thiện Liên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bính Thân
2. Ông Trần Văn Phủ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Xuân Trường, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thị Diễm - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 0409/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 440/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 338/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần A**
Địa chỉ: 266-268 N, phường V, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo pháp luật: Bà N - Tổng giám đốc
Đại diện theo ủy quyền: Ông T (Giấy ủy quyền số 1199/2023/UQ-TGĐ lập ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Địa chỉ: 80/17 Đ, Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Hồng B** Sinh năm: 1992
Địa chỉ: 549/76 X, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông T trình bày:

Căn cứ trên giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/6/2019 của ông Nguyễn Hồng B, Ngân hàng thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng A) đã cấp cho ông B thẻ tín dụng quốc tế Visa Pay Wave Cre Gold số thẻ 472075-2763, hạn mức thẻ là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng, lãi suất và phí theo quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của là Ngân hàng A với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng. Lãi suất quá hạn là 150% x 2,6% tương đương 3,9%/tháng.

Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng A đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông B chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 29.335.354 (hai mươi chín triệu, ba trăm ba mươi lăm ngàn, ba trăm năm mươi bốn) đồng sang nợ quá hạn từ ngày 22/9/2020. Lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng. Lãi suất quá hạn là 150% x 2,6% tương đương 3,9%/tháng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 33.088.937 (ba mươi ba triệu, không trăm tám mươi tám ngàn, chín trăm ba mươi bảy) đồng. Ông B đã thanh toán được 46.270.000 (bốn mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi ngàn) đồng, trong đó tiền gốc là 45.623.354 (bốn mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi ba ngàn, ba trăm năm mươi bốn) đồng và tiền lãi quá hạn là 645.645 (sáu trăm bốn mươi lăm ngàn, sáu trăm bốn mươi lăm) đồng.

Nay, Ngân hàng A yêu cầu ông Nguyễn Hồng B thanh toán ngay một lần tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 25/7/2023 là 37.852.714 (ba mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi hai ngàn, bảy trăm mười bốn) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 0 (không) đồng.

- Tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 25/7/2023 là 37.852.714 (ba mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi hai ngàn, bảy trăm mười bốn) đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần A chỉ yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Hồng B thanh toán nợ, không yêu cầu đưa thêm bất cứ người nào vào tham gia vụ kiện với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn - ông Nguyễn Hồng B vắng mặt suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ kiện mặc dù Tòa án đã thực hiện B tục triệu tập và niêm yết hợp lệ. Ông B cũng không gửi văn bản phản hồi đến Tòa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày vào ngày 22/6/2023 bị đơn đã thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc nên tính đến ngày 22/6/2023 bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn khoản tiền lãi quá hạn là 37.852.714 (ba mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi hai ngàn, bảy trăm mười bốn) đồng. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 22/6/2023 là 37.852.714 (ba mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi hai ngàn, bảy trăm mười bốn) đồng. Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa triệu tập xét xử hợp lệ và cũng không gửi văn bản ý kiến đến phiên tòa.

Tại phần tranh luận, nguyên đơn không có ý kiến tranh luận, bị đơn vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1.1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc xác minh thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định tại các Điều 209, Điều 210, Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc gửi, cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc gửi hồ sơ vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và tham gia phiên tòa đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; nguyên đơn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đúng theo quy định của pháp luật.

1.2. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân B đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong việc xét xử sơ thẩm vụ án.

1.3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với bị đơn: Bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp dân sự về Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Bị đơn có địa chỉ tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về B tục tố tụng:

Tòa đã tống đạt xét xử hợp lệ triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa sơ thẩm lần 1 mở ngày 22/8/2023 và lần 2 mở ngày 13/9/2023 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/6/2019 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện bị đơn đã được nguyên đơn cấp thẻ tín dụng quốc tế Visa Pay Wave Cre Gold số thẻ 472075-2763, hạn mức thẻ là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Căn cứ Bản sao kê tài khoản thẻ thì bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền đã sử dụng là 33.088.937 (ba mươi ba triệu, không trăm tám mươi tám ngàn,

chín trăm ba mươi bảy) đồng. Bị đơn đã thanh toán được 46.270.000 (bốn mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi ngàn) đồng, trong đó tiền gốc là 45.623.354 (bốn mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi ba ngàn, ba trăm năm mươi bốn) đồng và tiền lãi quá hạn là 645.645 (sáu trăm bốn mươi lăm ngàn, sáu trăm bốn mươi lăm) đồng.

Tính đến ngày 22/6/2023, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền lãi quá hạn do việc sử dụng thẻ tín dụng nêu trên với tổng số tiền là 37.852.714 (ba mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi hai ngàn, bảy trăm mười bốn) đồng.

Đến nay, bị đơn vẫn chưa thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần số tiền lãi còn nợ là phù hợp với quy định Điều 2, Điều 18 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005; Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền lãi quá hạn tính đến ngày 22/6/2023 và thanh toán khoản tiền lãi trong trường hợp chậm thi hành án kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án với mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là có lợi cho bị đơn nên có cơ sở để chấp nhận.

Về phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia quá trình tố tụng giải quyết vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Toà án tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ và xét xử. Cho thấy, bị đơn đã tự từ bỏ quyền lợi tố tụng của mình.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thiết nghĩ yêu cầu của nguyên đơn hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận toàn bộ, cần buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 37.852.714 (ba mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi hai ngàn, bảy trăm mười bốn) đồng cho nguyên đơn ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật

dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo như ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa.

[4] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, án phí dân sự sơ thẩm là 1.892.636 (một triệu, tám trăm chín mươi hai ngàn, sáu trăm ba mươi sáu) đồng, bị đơn phải chịu do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.544.000 (một triệu, năm trăm bốn mươi bốn ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0019548 ngày 03/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Buộc ông Nguyễn Hồng B thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 22/6/2023 là 37.852.714 (ba mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi hai ngàn, bảy trăm mười bốn) đồng.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần A có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Hồng B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức

lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 1.892.636 (một triệu, tám trăm chín mươi hai ngàn, sáu trăm ba mươi sáu) đồng, ông Nguyễn Hồng B phải nộp.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.544.000 (một triệu, năm trăm bốn mươi bốn ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0019548 ngày 03/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử công khai. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Y;
- Chi Cục THADS quận Y;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thiện Liên Hương